

Bản án số: 16/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 18/9/2020

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH - HẢI DƯƠNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Đoàn Thị Thu Thúy

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Bùi Thị Quy; Ông Vũ Văn Quảng.

**- Thư ký ghi biên bản phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Thanh Hà – Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách tham gia phiên toà:** Ông Phùng Văn Huân - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện Nam Sách mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 109/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Đồng Thị L, sinh năm 1992;

ĐKHKT: Khu dân cư V, phường A, thành phố H, tỉnh Hải Dương;

Địa chỉ nơi làm việc: Ban tài chính bệnh viện C, số 12 T, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Có mặt

**- Bị đơn:** Anh Vũ Đình T, sinh năm 1992;

ĐKHKT và nơi làm việc: Công an huyện N, đường H, thị trấn S, huyện N, tỉnh Hải Dương. Có mặt

**- Người làm chứng:**

+ Bà Phạm Thị T, sinh năm 1972; Địa chỉ: Khu dân cư K, phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương; Vắng mặt.

+ Ông Vũ Đình M, sinh năm 1961; Địa chỉ: Khu dân cư V, phường A, thành phố H, tỉnh Hải Dương; Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị Đông Thị L trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Vũ Đình T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 14/02/2017 tại UBND phường A, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Thời gian đầu sau khi kết hôn chị và anh T thuê nhà ở thành phố H, đến khi chị sinh con (tháng 10/2017) thì chuyển về cùng ở với bố mẹ đẻ của anh T ở khu dân cư V, phường A, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Chị và anh T chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng không phù hợp về tính cách, bất đồng quan điểm, lối sống, anh T chơi bời, cờ bạc dẫn đến nợ tiền của nhiều người, bố mẹ hai bên gia đình phải hỗ trợ cho vay tiền để trả nợ, nhưng kinh tế khó khăn nên từ đó vợ chồng phát sinh nhiều bất đồng, mâu thuẫn, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, không có sự cảm thông chia sẻ giúp đỡ lẫn nhau. Bản thân chị cũng có những lời nói, cách cư xử chưa phù hợp với chồng và gia đình chồng, nhưng anh T không nói với chị để chị sửa đổi dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng hơn. Chị đã nhiều lần nói chuyện với anh T để tìm cách khắc phục mâu thuẫn nhưng tính cách của anh T bảo thủ, không thay đổi cũng không đưa ra các biện pháp để khắc phục mâu thuẫn. Đầu tháng 2/2020 chị và anh T đã sống ly thân, chị về ở với bố mẹ đẻ ở khu dân cư K, phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Anh T có gọi điện cho chị động viên chị quay về nhưng chị nhận thấy anh chị không thể quay về chung sống cùng nhau, vợ chồng không còn tình cảm nên chị không về, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có một con chung là Vũ Đình H, sinh ngày 23/10/2017, hiện con chung đang ở cùng anh T. Chị đề nghị cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung bằng 1.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh T không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Theo biên bản ghi lời khai bị đơn anh Vũ Đình T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Xác nhận lời trình bày của chị L về thời gian, điều kiện kết hôn là đúng. Quá trình anh và chị L sống đôi lúc có xảy ra mâu thuẫn nhưng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ nhất trong cuộc sống do chưa thông cảm cho nhau. Ngoài ra còn do bất đồng giữ chị L với mẹ đẻ của anh về cách chăm con, chăm cháu. Tính cách anh ít nói, ngại thể hiện tình cảm ra bên ngoài, chị L không hiểu, không thông cảm cho anh lại cho rằng anh không quan tâm đến chị L. Tháng 2/2020 chị L bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở C, sống ly thân với anh. Anh đã nhiều lần tìm gặp, gọi điện thoại động viên chị L quay về nhưng chị L vẫn cương quyết không

về. Anh đề nghị Tòa án hòa giải để chị L rút đơn vợ chồng về đoạn tụ, còn nếu chị L vẫn cương quyết xin ly hôn anh cũng đồng ý, vì xác định nếu anh và chị L vẫn không thay đổi được tính cách thì anh chị không thể khắc phục được mâu thuẫn.

Về con chung: Anh và chị L có 1 con chung là Vũ Đình H, sinh ngày 23/10/2017, hiện nay con chung đang ở cùng anh, anh đề nghị cho anh được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh và chị L không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Người làm chứng :*

Bà Phạm Thị T ( mẹ đẻ chị L) trình bày: Chị L anh T chung sống hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do không phù hợp về tính cách, lối sống, ngoài ra còn do anh T mãi chơi, không có trách nhiệm với gia đình, vợ con, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, không có sự cảm thông, chia sẻ giúp đỡ lẫn nhau. Về phía chị L do áp lực cuộc sống, đôi khi cũng có những cư xử, lời nói không phù hợp với anh T. Bố mẹ hai bên gia đình nhiều lần động viên khuyên bảo nhưng anh chị vẫn không khắc phục được mâu thuẫn. Đầu tháng 2/2020 chị L, anh T sống ly thân. Việc tiếp tục chung sống với nhau nữa hay không là do chị L, anh T quyết định, cá nhân bà nhận thấy anh chị ấy không thể khắc phục được mâu thuẫn. Chị L, anh T có một con chung là Vũ Đình H, hiện nay cháu đang ở với anh T. Nếu chị L được nuôi con gia đình bà sẽ hỗ trợ chị L chăm sóc cháu H.

Ông Vũ Đình M (bố đẻ anh T) trình bày: Quá trình chung sống chị L, anh T chung sống phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do tính cách không phù hợp, không biết nhường nhịn nhau, ai cũng chỉ nghĩ đến cái tôi của mình. Từ tháng 2/2020 chị L tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống ly thân với anh T. Gia đình ông nhiều lần động viên chị L quay về nhưng chị L vẫn không về. Đề nghị Tòa án hòa giải động viên để chị L, anh T đoàn tụ cùng nuôi dạy con chung. Về con chung chị L, anh T có 1 con chung là Vũ Đình H, từ khi chị L bỏ đi cháu H ở với anh T và ở với vợ chồng ông. Hiện nay ông đã nghỉ hưu, vợ ông là bà Đoàn Thị G làm nội trợ nên có thời gian, điều kiện giúp đỡ anh T chăm sóc cháu H. Nếu vợ chồng anh T vẫn cương quyết ly hôn đề nghị giao cháu H cho anh T nuôi dưỡng, ông bà sẽ hỗ trợ giúp đỡ anh T chăm sóc cháu H.

Theo tài liệu xác minh với Trưởng khu dân cư V, UBND phường A thể hiện: Về mâu thuẫn gia đình của anh T, chị L địa phương và khu dân cư không rõ vì không có ai đề nghị hòa giải mâu thuẫn. Về con chung anh T, chị L có 1

con chung, từ khi chị L, anh T sống ly thân con chung ở với anh T và gia đình ông M, bà G. Gia đình ông M tại địa phương là gia đình nề nếp, ông M, bà G đã nghỉ hưu, đều khỏe mạnh nên có điều kiện hỗ trợ chị L, anh T chăm sóc cháu H.

Tại phiên toà sơ thẩm:

Nguyên đơn chị L giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với anh T vì xác định mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống. Về con chung đề nghị cho chị được nuôi con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000đ/tháng kể từ tháng 9/2020. Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh T xác định anh và chị L không thể tiếp tục quay về chung sống cùng nhau nên nhất trí ly hôn, về con chung anh đề nghị được nuôi con chung không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách trình bày việc chấp hành pháp luật của thẩm phán, thư ký trong quá trình thu thập chứng cứ, người tiến hành tố tụng tại phiên toà chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về đường lối giải quyết: Đề nghị HĐXX áp dụng: Các Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Xử công nhân sự thuận tình ly hôn giữa chị L, anh T; Về con chung: giao con chung Vũ Đình H, sinh ngày 23/10/2017 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L là 1.000.000đ/tháng. Về án phí: chị L phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn, anh T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đồng Thị L, anh Vũ Đình T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 14/02/2017, tại UBND phường A, TP H, tỉnh Hải Dương là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không phù hợp về tính cách, quan điểm sống. Tháng 2/2020 chị L, anh T sống ly thân. Chị L xin được ly hôn với anh T, anh T cũng nhất trí ly hôn. Nên có đủ cơ sở kết luận mâu thuẫn của chị L, anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó HĐXX căn cứ Điều 55 Luật

hôn nhân gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn của chị Loan và anh Tiến.

[2] Về quan hệ con chung: Chị L, anh T có 01 con chung là Vũ Đình H, sinh ngày 23/10/2017. Chị L đề nghị được nuôi con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị là 1.000.000đ/tháng, anh T không đồng ý, đề nghị giao cho anh nuôi con chung và không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con. HĐXX xét thấy nguyện vọng được nuôi con chung của chị L, anh T là chính đáng. Về điều kiện về chăm sóc nuôi dưỡng con của chị L, anh T: Chị L hiện việc tại Bệnh viện quân y C, thu nhập trung bình 5.000.000đ/tháng. Anh T làm việc tại Đội cảnh sát hình sự - Công an huyện N, thu nhập trung bình 12.000.000đ/tháng. Hiện nay cả anh T và chị L đều chưa có nhà đất riêng vẫn ở nhờ nhà đất của bố mẹ. Như vậy chị L và anh T đều đủ điều kiện để nuôi con. Xét thấy con chung Vũ Đình H dưới 36 tháng tuổi, theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình thì “*Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác*”. Do đó HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị L, giao cho con chung Vũ Đình H cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L bằng 1.000.000đ/tháng kể từ tháng 9/2020.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị L, anh T trình bày anh chị không có tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết

[4] Về án phí: Chị L tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm, anh Tiến phải cấp dưỡng nuôi con nên phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Vì các lẽ trên:

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng: Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

1. Về quan hệ vợ chồng: Công nhận sự thuận tình ly hôn của chị Đồng Thị L và anh Vũ Đình T.

2. Về con chung: Giao con chung là Vũ Đình H, sinh ngày 23/10/2017 cho chị Đồng Thị L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh Vũ Đình T phải cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng cho chị L là

1.000.000đ/tháng (*Một triệu đồng trên tháng*), kể từ tháng 9/2020. Anh T có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

Kể từ ngày Bản án này có hiệu lực pháp luật, chị L có đơn yêu cầu thi hành án khoản tiền trên mà anh T không thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại Điều 357, 468 Bộ luật dân sự.

3. Án phí: Chị Đồng Thị L phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm được đối trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ tại Cơ quan thi hành án dân sự huyện Nam Sách theo biên lai số AA/2018/0002726 ngày 07 tháng 7 năm 2020. Anh Vũ Đình T phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Nam Sách;
- Đường sự;
- UBND phường A, TP H;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**  
**( Đã ký)**

**Đoàn Thị Thu Thúy**